

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ông Nguyễn Văn Tâm
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2024/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Văn L, sinh năm 1982, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.
Anh Bùi Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 18/6/2024.
- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984, (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Bùi Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2006.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã với nhau do không do tính cách không hợp nên không thể trao đổi, nói chuyện hàn gắn tình cảm với nhau nên dần tình cảm vợ chồng còn. Tôi và chị Nghi đã ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn

tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với chị Nghị nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị Nghị có 02 con chung tên Bùi Như B, sinh năm 2005; Bùi Thị Tâm B, sinh ngày 23/01/2013. Hiện nay tôi đồng ý giao lại Bùi Thị Tâm B, sinh ngày 23/01/2013 cho chị Nghị tiếp tục chăm sóc, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Bùi Như B, sinh năm 2005 hiện nay đã khôn lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Chị Nguyễn Thị N Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Chị Nguyễn Thị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Chị Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Bùi Văn L đối với Chị Nguyễn Thị N. Về con chung: Giao Bùi Thị Tâm B, sinh ngày 23/01/2013 lại cho chị Nghị chăm sóc và giáo dục, chị Nghị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Đối với Bùi Như B, sinh năm 2005 đã khôn lớn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn L yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị N, chị Nghị đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Bùi Văn L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Bùi Văn L và Chị Nguyễn Thị N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Anh Bùi Văn L yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Bùi Văn L và Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2006 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Anh Bùi Văn L và Chị Nguyễn Thị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Nghị tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị Nghị vắng mặt không có lý do thể hiện chị Nghị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 5 năm 2024, ông Nguyễn Văn Cấu là trưởng ấp, Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống có đăng ký kết hôn, có 02 con chung hiện nay cháu nhỏ đang được chị Nghị chăm sóc, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Anh Bùi Văn L và Chị Nguyễn Thị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Bùi Văn L đối với Chị Nguyễn Thị N.

[4] Về con chung: Anh Bùi Văn L và Chị Nguyễn Thị N có 02 con chung tên Bùi Như Bình, sinh năm 2005; Bùi Thị Tâm Bình, sinh ngày 23/01/2013. Từ khi anh L và chị Nghị ly thân đến nay thì các em do chị Nghị chăm sóc và giáo dục

rất tốt, chị Nghị không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Để ổn định cuộc sống của Bùi Thị Tâm Bình, sinh ngày 23/01/2013 tiếp tục giao cho chị Nghị tiếp tục chăm sóc là phù hợp. Đối với Bùi Như Bình, sinh năm 2005 đã khôn lớn nên không đặt ra xem xét. Anh L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Anh Bùi Văn L yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị N, nên Anh Bùi Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 53; 54; Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Bùi Văn L được ly hôn với Chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao em Bùi Thị Tâm B, sinh ngày 23/01/2013 cho chị N chăm sóc và nuôi dưỡng, Chị N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Đối với Bùi Như Bình, sinh năm 2005 hiện nay đã khôn lớn nên không yêu cầu không đặt ra xem xét.

Anh Bùi Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh L phải chịu. Anh Bùi Văn L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010370 ngày 18/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, Anh Bùi Văn L và Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm